*Mẫu số 19*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** …………………………….. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /TBHH-…………… | *… …., ngày … tháng …. năm …..* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc thay đổi …………………….**

Vùng biển: ………………………………………………………………………………………….

Tên luồng: ……………………………………………………………………………….. (nếu có)

Tên báo hiệu: ………………………………………………………………………………………

Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

Căn cứ ……………………………………………………………………………………………….

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, …………………………………. thông báo thay đổi: …………………………………………….. như sau:

- Vị trí: ……………………………………………………………………………………………..

- Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

- Tác dụng: ………………………………………………………………………………………….

**1. Báo hiệu thị giác**

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng: …………………………………………………………………………………………

- Màu sắc: ……………………………………………………………………………………………

- Dấu hiệu đỉnh: ………………………………………………………………………….. (nếu có)

- Số hiệu (Chữ hiệu): ……………………………………………………………………. (nếu có)

- Chiều cao toàn bộ: ……………………. m, tính đến …………………………………………..

- Chiều cao công trình: ... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)

- Chiều rộng trung bình: ……………………… m (dành riêng cho báo hiệu cố định)

- Tầm nhìn địa lý: .... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng …………. m

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng: .……………………………………………………………………………..

- Phạm vi chiếu sáng: …………………………………………………………………………….

- Chiều cao tâm sáng: …………….m, tính đến ………………………………………………..

- Tầm hiệu lực ánh sáng: ……………………. hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74

**2. Báo hiệu vô tuyến điện:**

a) Racon:

- Dải tần hoạt động: …………………………………………………………………………………

- Mã tín hiệu nhận dạng: ……………………………………………………………………………

- Chu kỳ hoạt động: …………………………………………………………………………………

- Tầm hiệu lực: ……………………. hải lý với radar có công suất phát ……. kW, chiều cao ăng ten radar... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS: ……………………………………………………………………

- Dải tần hoạt động: ………………………………………………………………………………..

- Số nhận dạng (MMSI): …………………………………………………………………………..

- Tần suất phát thông tin: …………………………………………………………………………

- Tầm hiệu lực: ……………………………………………………………………………………..

- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải: …………………………………………………

**3. Báo hiệu âm thanh**

- Cường độ phát âm: ………………………………………………………………………………

- Tần số phát âm: …………………………………………………………………………………

- Mã tín hiệu phát âm: ………………………………………………………………………………

- Chu kỳ phát âm: ……………………………………………………………………………………

- Tầm hiệu lực âm phát: …………………………………………. hải lý với tốc độ gió cấp 1.

**Ghi chú:** Các đặc tính khác của báo hiệu không thay đổi (tham khảo Thông báo hàng hải số ………………….. ngày ………………………..)

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

……………………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam; - Cảng vụ hàng hải……; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải…..; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam; - ……………………….. | ………………. (Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) |